TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS - ST
Ngày 30/3/2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Đức
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thúy Bình
2. Bà Hoa Thị Vân

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà***: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- DSST ngày 27 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/QĐST-DS ngày 15/3/2023 giữa các đương sự.

1**. Nguyên đơn**: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.
Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng - Tổng Giám đốc
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân Hải - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai II (Theo quyết định số 2664/QĐ - NHNo - PC và Quyết định số 2665/QĐ - NHNo - PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)
Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Quang Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai II (Theo văn bản uỷ quyền số 04 ngày 30 tháng 3 năm 2023). Có mặt.

2.**Bị đơn**: Ông Hoàng A L - Sinh năm 1973
Bà Hoàng Thị N - Sinh năm 1976
Bà Hoàng Thị T - Sinh năm 2003

Nơi ĐKHKTT: Thôn Bản Vền, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Hộ gia đình ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T do ông Hoàng A L đại diện đã ký hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II (sau đây viết tắt là Ngân hàng) để vay vốn như sau: Hạn mức cho vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Mục đich vay vốn: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng đời sống; Thời hạn cho vay 60 tháng; hạn trả cuối cùng ngày 03 tháng 2 năm 2026; Lãi xuất cho vay áp dụng là 12%/ năm. (*Chỉ áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng, các thời điểm sau này thực hiện điều chỉnh tăng lãi suất theo chế độ lãi suất cho vay của Ngân hàng cấp trên quy định tại từng thời điểm, Ngân hàng được quyền tự điều chỉnh, người vay vốn có nghĩa vụ thực hiện không cần thỏa thuận gì khác*) Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả 10%/ năm; trả tiền gốc và lãi tiền vay hàng tháng vào ngày 25. Ngày 03/2/2021 ông Hoàng A L đã nhận nợ số tiền là 82.000.000đ (tám hai triệu đồng) theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 03/2/2021. Theo đó việc trả nợ gốc được chia làm 5 kỳ: Ngày 25/2/2022 số tiền gốc phải trả là 16.000.000 đồng; Ngày 25/2/2023 số tiền gốc phải trả là 16.000.000 đồng; Ngày 25/2/2024 số tiền gốc phải trả là 16.000.000 đồng; Ngày 25/2/2025 số tiền gốc phải trả là 16.000.000 đồng; Ngày 03/2/2026 số tiền gốc phải trả là 18.000.000 đồng;

Hợp đồng tín dụng trên được cho vay tín chấp theo Nghị định số 55/2015/CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, khách hàng Hoàng A L có nộp cho Ngân hàng 01 Giấy xác nhận đất không có tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 26/9/2019. Từ thời điểm nhận nợ ngày 03/2/2021 đến nay, hộ gia đình ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T chưa gốc, lãi cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng không thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi vay khi đến hạn nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Sau nhiều lần đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có các biên bản làm việc, thông báo đòi nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn, nhưng ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai II. Đến nay tổng số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng trên còn là 82.000.000 đ (tám mươi hai triệu đồng)và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 30/3/2023 là 21.840.723đ (hai mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng)

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai buộc ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T thực hiện nghĩa vụ

hoàn trả đầy đủ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử 30/3/2023 cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019. Cụ thể số tiền gốc còn nợ là 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng); Tiền lãi là 21.840.723đ (hai mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng). Trong đó lãi trong hạn là 20.707.134 đ (hai mươi triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng); lãi quá hạn là 1.133.589 đ (một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử 30/3/2023 là 103.840.723đ đồng (một trăm linh ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng)

Kỳ tính lãi từ ngày 03/2/2021 đến ngày 15/7/2021: 82.000.000 đồng x 162 ngày x 12%): 365 ngày 4.367.342 đồng.

Kỳ tính lãi từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 : 82.000.000 đồng x 169 ngày x 10.8% = 4.100.449 đồng.

Kỳ tính lãi từ ngày 31/12 đến ngày 30/3/2023 : 82.000.000 đồng x 454 ngày x 10%): 365 ngày =12.239.342 đồng.

Lãi quá hạn:

Kỳ tính lãi từ ngày 25/2/2022 đến ngày 25/2/2023 : 16.000.000 đồng x365 ngày x 6.0%): 365 ngày = 960.000 đồng.

Kỳ tính lãi từ ngày 25/2/2023 đến ngày 30/3/2023 : 32.000.000 đồng x 33 ngày x 6.0%): 365 = 173.589 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/3/2023 là 103.840.723đ đồng (một trăm linh ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng)

Đối với bị đơn ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T không có mặt tại nơi cư trú nên Toà án đã tiến hành xác minh, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T nhưng ông L, bà N, bà T không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án để làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử và tiến hành xét xử vắng mặt Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91,95,98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 30/3/2023 là 103.840.723đ đồng (một trăm linh ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Buộc bị đơn ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai II và ông Hoàng A L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Bản Vền, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được do một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hoà giải. Do vậy đây là vụ án không tiến hành hoà giải được.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu buộc ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T trả tiền nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 số tiền gốc còn lại 82.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử 30/3/2023 là 21.840.723đ (hai mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là Hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai II với ông Hoàng A L (bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T) ủy quyền cho ông Hoàng A L thực hiện các thủ tục vay vốn). Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T đã xác lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Xét hợp đồng tín dụng: Việc ký kết hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai II và ông Hoàng A L với mục đích nhu cầu tiêu dùng đời sống là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Hạn mức cho vay theo Hợp đồng tín dụng là 100.000.000 đồng, ngày 29/6/2020 ông Hoàng A L đã nhận nợ số tiền 82.000.000 đồng theo Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 29/6/2020. Khoản vay 82.000.000 đồng không có bảo đảm bằng tài sản, ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T đã giao cho Ngân hàng 01 Giấy xác nhận đất không có tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 26/9/2019 để đảm bảo việc trả nợ. Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên tham gia giao kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có thẩm quyền giao kết hợp đồng, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T có văn bản ủy quyền cho ông Hoàng A L xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng; các bên cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận về các nội dung phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 117, 398, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, việc ký kết Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp.

[4] Việc thực hiện hợp đồng tín dụng: Trong hợp đồng hai bên ký kết có quy định về trách nhiệm thanh toán khoản tiền đã vay,các khoản phí, lãi và các chi phí phát sinh. Căn cứ lịch sử giao dịch vay. Lịch sử trả lãi và các biên bản làm việc giữa Ngân hàng và ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T do Ngân hàng cung cấp thấy rằng ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T đã không thanh toán số tiền gốc và lãi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ cam kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Do đó Ngân hàng có quyền chuyển khoản nợ sang quá hạn và thu hồi nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 446 Bộ luật Dân sự thì: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Xét thấy ông Hoàng A L,

bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T liên đới trả cho Ngân hàng số tiền đã vay còn lại là 82.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu trả lãi: Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án thì từ ngày 29/6/2020, ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T đã không trả tiền lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Ngân hàng yêu cầu ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 30/3/2023. Tổng cộng là 21.840.723đ (hai mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng). Trong đó lãi trong hạn là 20.707.134 đ (hai mươi triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng); lãi quá hạn là 1.133.589 đ (một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng)

Đối với lãi suất cho vay, tại hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận lãi suất cho vay áp dụng là 12%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 Ngân hàng đã điều chỉnh mức lãi suất cho vay còn 10.8%. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi suất của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 30/3/2023 là 21.840.723đ (hai mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng). Trong đó lãi trong hạn là 20.707.134 đ (hai mươi triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng); lãi quá hạn là 1.133.589 đ (một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 30/3/2023 cho đến khi ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T thanh tóan xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị Thúy thanh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/3/2023 là 103.840.723đ đồng (một trăm linh ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 82.000.000 đ (tám mươi hai triệu đồng); Tiền nợ lãi trong hạn là 20.707.134 đ (hai mươi triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng); lãi quá hạn là 1.133.589 đ (một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 giữa hộ gia đình ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Bát Xát, Lào Cai II.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/3/2023, ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV 201901690 ngày 30/9/2019 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Bát Xát, Lào Cai II và hộ gia đình ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Hoàng A L, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị T mỗi người phải chịu 1.730.678 đ (một triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.470.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm, bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002298 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thúy Bình Hoa Thị Vân Nguyễn Thị Minh Đức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND huyện BX;
- Các đương sự;
- THADS huyện BX;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Xuân Phú Ly Giờ Có Nguyễn Thị Minh Đức